

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **01 /2019/HNGĐ-ST**

Ngày 04/01/2019

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu Trang**
- Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Lưu Thị Kim Hiền và bà Uông Thị Hoa**
- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Việt Hùng – Thư ký Tòa án**
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên Tòa: **Bà Nguyễn Bách Thiện Linh –Kiểm sát viên.**

Trong ngày 04 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 558/2018/TB-TLVA ngày 08 tháng 10 năm 2018 về : “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29/11/2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 29/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/12/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1987;

HKTT: Phòng 303, tập thể B, phường N, quận B, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Số 1 gác 3 ngõ 105 N, phường N, quận B, thành phố Hà Nội

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Linh T**, sinh năm 1982;

HKTT và nơi ở trước khi biệt tích: Phòng 303, tập thể B, phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Hiện nay anh T sinh sống ở đâu không rõ địa chỉ.

(Chị C có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 15/5/2018 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 13/12/2018 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C trình bày:

-Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Linh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có qua tìm hiểu, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận B, Hà Nội vào ngày 06/10/2010.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại địa chỉ: Phòng 303, tập thể B, phường N, quận B, thành phố Hà Nội là nhà của bố mẹ chồng chị.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2012 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Nguyễn Linh T mãi chơi, không có trách nhiệm với gia đình, không đi làm để lo cho con cái mà chỉ đi chơi tụ tập bạn bè. Chị C đã góp ý khuyên giải anh T nhiều lần nhưng không được, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát nhau, cả hai đã nhiều lần nói chuyện để khắc phục mâu thuẫn, nhưng không có kết quả. Gia đình hai bên nội, ngoại đều biết mâu thuẫn của vợ chồng chị và đã nhiều lần họp gia đình để khuyên giải cả hai nhưng không được.

Do cuộc sống vợ chồng căng thẳng, nên chị C và anh T đã ly thân nhau từ tháng 3 năm 2015 cho đến nay. Khi sống ly thân, chị C dẫn cả hai con chung về ở nhờ nhà bố mẹ đẻ của chị tại địa chỉ: Số 1 ngách 3 ngõ 105 N, phường N, quận B, thành phố Hà Nội, còn anh Nguyễn Linh T vẫn ở tại nhà của bố, mẹ anh.

Đến tháng 9/2017, anh Nguyễn Linh T đã bỏ nhà đi nơi khác ở, cụ thể anh T đi đâu và làm gì, chị C không nắm bắt được vì khi anh T bỏ nhà đi, anh không nói với chị. Chị C cũng đã chủ động hỏi gia đình nhà chồng về thông tin của anh T, nhưng gia đình nhà chồng chị nói không biết. Từ thời điểm anh T đi khỏi địa phương nơi cư trú cho đến nay, chưa có lần nào anh T liên lạc hay về thăm gia đình, vợ con cũng không có trách nhiệm gì với các con chung, vì vậy đến nay chị C cũng không biết anh T đang làm gì, sinh sống ở đâu.

Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Linh T để chị còn ổn định cuộc sống riêng.

- Về con chung: Chị C và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2010 và cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2011. Hiện cả hai cháu đang ở cùng chị C. Khi ly hôn chị C có nguyện vọng nuôi hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung, vì hiện anh không có mặt tại địa phương nơi cư trú.

- Về con riêng: Trong thời kỳ hôn nhân giữa chị C và anh T, ngoài 2 con chung như chị đã trình bày ở trên thì chị còn có 01 con riêng. Cụ thể là trong thời kỳ vợ chồng chị sống ly thân nhau, chị C có quan hệ tình cảm và có 01 con riêng với anh Đặng Duy L. Trước khi mang thai chị đã nhiều lần yêu cầu anh T hợp tác giải quyết dứt điểm việc ly hôn, nhưng anh T mãi chơi, bỏ mặc. Đến khoảng đầu năm 2017, sau khi biết mình có thai, chị đã nhiều lần gặp anh T, đồng thời nhờ gia đình anh T khuyên giải anh cùng chị ra Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng anh T không hợp tác mà gây khó khăn cho chị. Sự việc chị C mang thai con riêng thì bản thân anh T và gia đình mẹ cũng như các anh, chị của anh T đều biết. Sau đó đến tháng 9/2017, anh T đã bỏ nhà đi nơi khác ở mà không thông báo cho chị biết.

Ngày 19/12/2017, chị C sinh 01 bé trai tại bệnh viện phụ sản Hà Nội và tạm đặt tên con trong giấy chứng sinh là Đặng Duy Thái D. Hiện nay cháu bé vẫn chưa đi làm giấy khai sinh vì do bản thân chị C không hiểu biết pháp luật, nghĩ rằng khi chị và anh T ly hôn xong, chị C sẽ kết hôn và đi làm khai sinh cho cháu sau, như vậy khai sinh của cháu mới có tên bố đẻ của cháu. Chính vì lý do này mà trong đơn xin ly hôn ban đầu cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết chị C không khai ra con riêng của chị. Gần đây chị C có đi hỏi thủ tục làm giấy khai sinh cho cháu thì mới biết là con trong thời kỳ hôn nhân vẫn mang tên bố là anh T, do vậy chị C khởi kiện bổ sung và đề nghị tòa án xem xét giải quyết xác định cháu bé Đặng Duy Thái D, sinh ngày 19/12/2017 là con riêng của chị C, để chị được đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục khai sinh cho cháu bé. Về trách nhiệm nuôi dưỡng cháu Đặng Duy Thái D thì chị sẽ tự chịu trách nhiệm nuôi dưỡng cháu vì đó là con riêng của chị.

-Về tài sản chung, nhà ở chung và khoản nợ: Chị C xác nhận vợ chồng không có tài sản và nhà ở chung, không cùng vay nợ ai và không cùng cho ai vay nợ, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị C vẫn giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Linh T để chị còn ổn định cuộc sống.

Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng anh Nguyễn Linh T vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

-Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của người tham gia tố tụng; Chuyển các văn bản tố tụng đến Viện kiểm sát, tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định và việc thu chứng cứ theo đúng quy định tại điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo đúng quy định tại điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương 14 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng Điều 51, 237 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tại phiên Tòa hôm nay bị đơn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Linh T là đúng theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của đại diện viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; 58; Điều 59; Điều 70; khoản 1 Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015 và Điều 27 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C đối với anh Nguyễn Linh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2010 và cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2011. Giao con chung là cháu Nguyễn Tuệ L và cháu Nguyễn Khánh L cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi các con chung đối với anh Nguyễn Linh T vì hiện tại anh T không có mặt tại địa phương nơi cư trú. Anh Nguyễn Linh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về con riêng: Chị Nguyễn Thị C và gia đình anh Nguyễn Linh T xác nhận : trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng chị C – anh T thì chị C có một con riêng là con trai, tên tạm đặt trong giấy chứng sinh là Đặng Duy Thái D, sinh ngày 19/12/2017.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và có trong hồ sơ và kết quả xét nghiệm ADN ngày 11/12/2018 của viện pháp y Quốc gia - Bộ Y tế xác định: Cháu Đặng Duy Thái D, sinh ngày 19/12/2017(tên tạm đặt trong giấy chứng sinh) là con riêng của chị C. Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị C chịu trách nhiệm trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng con riêng là Đặng Duy Thái D. Anh Nguyễn Linh T không có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Duy Thái D.

Giành quyền khởi kiện xác định cha cho con đối với các đương sự.

- Về tài sản chung, nhà ở chung và khoản nợ chung : Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

- Về án phí LHST: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

1. **Về tố tụng:** Tòa án thụ lý đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C đối với anh Nguyễn Linh T là đúng theo thẩm quyền quy định tại điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tại Quyết định số 07/2018/QĐDS-ST ngày 06/6/2018, Tòa án nhân dân quận B đã chấp nhận đơn yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú của chị Nguyễn Thị C đối với anh Nguyễn Linh T và ra Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú. Trong quá trình giải quyết vụ án xin ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C đối với anh Nguyễn Linh T, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định tạm ngừng phiên tòa đối với anh Nguyễn Linh T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự song anh T vẫn vắng mặt không lý do, do đó căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

2. **Về nội dung:** Chị Nguyễn Linh C và anh Nguyễn Linh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường N, quận B, Hà Nội vào ngày 06/10/2010. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại địa chỉ: Phòng 303, tập thể B, phường N, quận B, thành phố Hà Nội là nhà của bố mẹ anh T.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ vụ án cho thấy: Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Nguyễn Linh T không có trách nhiệm với gia đình, không đi làm để lo cho con cái mà chỉ đi chơi tụ tập bạn bè, chị C và gia đình anh T đã góp ý khuyên giải anh T nhiều lần nhưng không được, dẫn đến vợ chồng thường cãi vã, xô xát nhau. Gia đình hai bên nội, ngoại hai bên đều biết mâu thuẫn của vợ chồng và đã hòa giải cho cả hai nhưng không có kết quả. Do cuộc sống chung vợ chồng căng thẳng, nên vợ chồng

đã sống ly thân nhau từ tháng 3 năm 2015 cho đến nay. Khi sống ly thân, chị C dẫn cả hai con chung về ở nhờ nhà bố mẹ đẻ của chị tại địa chỉ: Số 1 ngách 3 ngõ 105 N, phường N, quận B, thành phố Hà Nội, còn anh Nguyễn Linh T vẫn ở tại nhà của bố, mẹ đẻ của anh.

Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị C và anh T cũng đã nhiều lần gặp gỡ nói chuyện để giải quyết việc ly hôn, nhưng anh T không hợp tác mà để mặc cho chị C tự giải quyết. Đến tháng 9/2017, anh Nguyễn Linh T đã bỏ nhà đi nơi khác ở, khi đi anh T không nói với chị C nên chị không biết anh T đi đâu, làm gì. Chị C cũng đã chủ động hỏi gia đình nhà chồng về thông tin của anh T, tuy nhiên gia đình nhà chồng chị nói không biết địa chỉ cụ thể của anh T, vì anh T không cho gia đình biết để cung cấp thông tin của anh cho chị C.

Kể từ thời điểm anh T đi khỏi địa phương nơi cư trú cho đến nay, chưa có lần nào anh T về thăm gia đình hay liên lạc về nhà hỏi han vợ con, cũng không có trách nhiệm gì với các con, nên đến nay chị C vẫn không có bất kỳ tin tức gì của anh T, không biết hiện nay anh T đang làm gì và sinh sống ở đâu.

Đầu tháng 05 năm 2018, chị Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân quận B tuyên bố anh Nguyễn Linh T vắng mặt tại nơi cư trú, để làm căn cứ xin ly hôn sau này. Tại Quyết định số 07/2018/QĐDS-ST ngày 06/6/2016 của Tòa án nhân dân quận B đã quyết định: Chấp nhận đơn yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú của chị Nguyễn Thị C đối với anh Nguyễn Linh T, đồng thời ra Thông báo số: 522/2018/TB-VDS, thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh Nguyễn Linh C. Thông báo này được chị Nguyễn Thị C đi đăng tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên đã hết thời hạn 04 tháng kể từ ngày đăng tin cho đến nay, anh Nguyễn Linh T vẫn không có bất kể tin tức gì về gia đình, cũng không đến trình báo với Tòa án.

Các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập tại địa phương nơi cư trú cũng như ý kiến của gia đình hai bên đều thể hiện vợ chồng chị C, anh T có mâu thuẫn đúng như lời trình bày của chị C và vợ chồng thường xảy ra cãi vã xô xát nhau, cả hai đã sống ly thân từ đầu năm 2015 đến nay, mỗi người một nơi và đến tháng 9/2017, anh T đã bỏ nhà đi ở nơi khác ở, hiện anh T đang làm gì, sinh sống ở đâu thì chị C và gia đình đều không nắm rõ. Quan điểm của gia đình 2 bên cũng đề nghị tòa án giải quyết cho chị C được ly hôn để chị và anh T còn ổn định cuộc sống riêng của mỗi người.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống chung của vợ chồng chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Linh T không hạnh phúc, anh Nguyễn Linh T đã bỏ đi khỏi nơi cư trú

đã hơn 01 năm mà không hề liên lạc gì với chị C, cũng không có trách nhiệm gì với con cái, chị C cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ của vợ chồng không có. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C đối với anh Nguyễn Linh T.

- Về con chung: Vợ chồng chị C và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2010 và cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2011, hiện cả hai cháu đang ở cùng chị C.

Xét thấy: Cháu Nguyễn Tuệ L đã đủ tuổi hỏi ý kiến và cháu có nguyện vọng ở với chị C. Mặt khác do anh T đã đi khỏi nơi cư trú, không có tin tức gì, hiện chị C là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung, nên khi ly hôn chị C cũng như gia đình của anh T đều nhất trí đề nghị Tòa án giao các con chung cho chị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do vậy yêu cầu xin nuôi dưỡng các con chung của chị Nguyễn Thị C là chính đáng, cần được chấp nhận.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi các con chung: Do anh T vắng mặt tại địa phương nơi cư trú nên chị C không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi các con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi các con chung đối với anh Nguyễn Linh T cho đến khi chị C có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật. Anh Nguyễn Linh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về con riêng: Chị Nguyễn Thị C xác nhận trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Linh T, cụ thể là trong thời gian chị và anh T sống ly thân nhau, chị C có 01 con riêng với anh Đặng Duy L, sinh năm 1985, cháu bé là con trai, tên tạm đặt trong giấy chứng sinh là Đặng Duy Thái D, sinh ngày 19/12/2017. Hiện tại chị C chưa đi làm thủ tục khai sinh cho cháu bé vì chị C nghĩ rằng cháu bé không phải là con của anh T, sau khi ly hôn anh T chị sẽ làm thủ tục đăng ký kết hôn với anh L và làm thủ tục khai sinh cho cháu bé để cháu bé có tên cha đẻ trong giấy khai sinh nên trong đơn xin ly hôn cũng như quá trình Tòa án giải quyết chị không trình bày về vấn đề này, tuy nhiên gần đây chị có hỏi thủ tục làm khai sinh thì mới được biết về quy định của pháp luật, do vậy chị C có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung, đề nghị tòa án xác định cháu bé Đặng Duy Thái D, sinh ngày 19/12/2017 là con riêng của chị để chị được đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục khai sinh cho cháu bé theo luật định.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự xuất trình cho thấy; Theo giấy chứng sinh số: 0003318 ngày 19/12/2017 của bệnh viện Phụ sản Hà Nội thì ngày 19/12/2017 chị Nguyễn Thị C có sinh 01 bé trai tại bệnh viện Phụ sản Hà Nội, bé trai cân nặng 3750 gram; dự định đặt tên con là: Đặng Duy Thái D.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện việc chị C có con riêng trong thời gian chị C và anh T sống ly thân nhau thì gia đình anh T và anh T đều biết vì gia đình anh T cũng như chị C đã nhiều lần yêu cầu anh T về giải quyết ly hôn, nhưng anh T mãi chơi, bỏ lửng, không quan tâm cũng không hợp tác và sau đó bỏ nhà đi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào Kết quả xét nghiệm ADN số 02/19/ADN ngày 11/12/2018 của Viện pháp y quốc gia – Bộ y tế kết luận:

- Ông Đặng Duy L có quan hệ huyết thống bố - con với cháu Đặng Duy Thái D , độ tin cậy 99,9999 %.
- Bà Nguyễn Thị C có quan hệ huyết thống mẹ - con với cháu Đặng Duy Thái D , độ tin cậy 99,9999 %.

Do vậy yêu cầu khởi kiện bổ sung đề nghị Tòa án xác định cháu bé Đặng Duy Thái D (tên tạm đặt trong giấy chứng sinh) – sinh ngày 19/12/2017 là con riêng của chị Nguyễn Thị C là có cơ sở pháp lý, cần được chấp nhận. Do cháu Đặng Duy Thái D là con riêng của chị C, nên anh T không phải chịu trách nhiệm đóng góp tiền nuôi dưỡng cháu bé. Chị Nguyễn Thị C phải chịu trách nhiệm nuôi dưỡng con riêng của chị và có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để khai sinh cho cháu bé theo luật định.

- Về tài sản, nhà ở chung và khoản nợ chung : Chị Nguyễn Thị C xác nhận vợ chồng chị không có tài sản chung, nhà ở chung và khoản nợ chung. Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí LHST: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện viện Kiểm sát nhân dân quận B đối với việc giải quyết vụ án cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lí lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83, 88, 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Điều 27 khoản 5a Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của Chị Nguyễn Thị C

Chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Nguyễn Linh T

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Linh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2010 và cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2011.

Giao các con chung là Nguyễn Tuệ L và cháu Nguyễn Khánh L cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi các con chung đối với anh Nguyễn Linh T cho đến khi chị C có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh Nguyễn Linh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về con riêng: Xác định cháu Đặng Duy Thái D (tên tạm đặt trong giấy chứng sinh) – sinh ngày 19/12/2017 là con riêng của chị Nguyễn Thị C. Chị Nguyễn Thị C phải chịu trách nhiệm nuôi dưỡng Đặng Duy Thái D và có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để khai sinh cho cháu bé theo luật định.

4. Về tài sản, nhà ở chung và khoản nợ chung : Chị Nguyễn Thị C xác nhận chị và anh Nguyễn Linh T không có tài sản, nhà ở chung và khoản nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí LHST: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008125 ngày 08/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Nguyễn Thị C, vắng mặt anh Nguyễn Linh T. Chị Nguyễn Thị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Linh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm Sát nhân dân quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;
- UBND phường N, quận B,
thành phố Hà Nội
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Trang